

Thông tin chung	
Tên quỹ	Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
Chỉ số tham chiếu/Loại tiền tệ	VNDIAMOND / VNĐ
Mã giao dịch	FUEMAVND
Sàn giao dịch	HOSE
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 lô ETF = 100.000 CCQ (giao dịch sơ cấp); 100 CCQ (giao dịch thứ cấp)
Số lượng đăng ký tối thiểu	01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
Thành viên lập quỹ (APs)	MAS, VCBS
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)
Giá dịch vụ quản lý	0,6% NAV/năm
Giá dịch vụ hoán đổi mua	0%
Giá dịch vụ hoán đổi bán	Miễn phí cho Thành viên lập quỹ 0,1% giá trị bán lại cho các Nhà đầu tư khác

Giá trị tài sản ròng (NAV)	
Ngày định giá	31/1/2024
Giá trị tài sản ròng (VNĐ)	340,5 tỷ
NAV/CCQ (VNĐ)	11.313,97

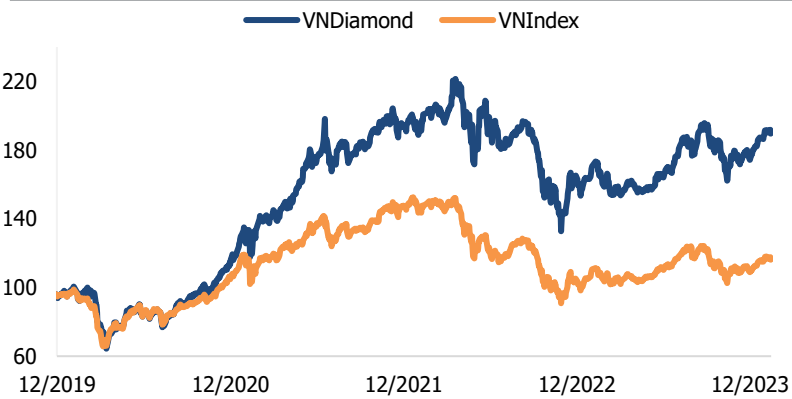
Mục tiêu & chiến lược đầu tư

- Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND là mô phỏng gần nhất có thể biến động của chỉ số VNDIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do HOSE xây dựng và quản lý.
- Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VNDIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VNDIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản

Lợi thế Quỹ MAFM VNDIAMOND ETF

- Tiềm năng tăng trưởng cao: Quỹ là kênh giúp cho các nhà đầu tư tiếp cận cơ hội đầu tư với tiềm năng tăng trưởng cao thông qua các doanh nghiệp hàng đầu đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.
- Đa dạng hóa: Chỉ số VNDiamond bao gồm các cổ phiếu đạt tỷ lệ đầu tư nước ngoài (FOL) và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.
- Chất lượng của rổ chỉ số: Các cổ phiếu trong rổ chỉ số VNDiamond đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, thanh khoản, tỷ lệ P/E và tỷ lệ đầu tư nước ngoài (FOL) theo quy định trong quy tắc chỉ số.
- Phí giao dịch thấp: Mức phí quản lý và các loại phí vận hành khác của Quỹ ETF MAFM VN30 là rất cạnh tranh so với các quỹ ETF niêm yết khác tại Việt Nam.

Biến Động Chỉ Số VNDIAMOND vs VN-Index



	2020	2021	2022	2023	YTD
VNDIAMOND	24,7%	65,0%	-20,5%	14,9%	4,16%
VN Index	14,9%	35,7%	-32,8%	12,2%	3,04%

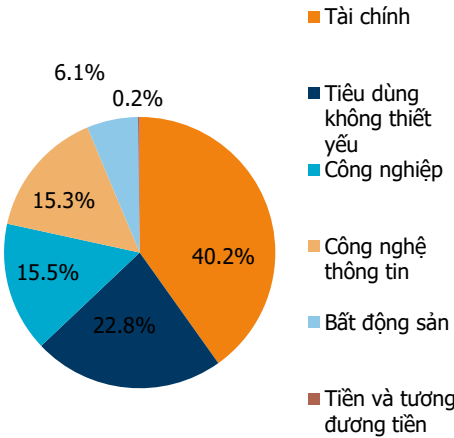
* Nguồn: MAFM. Số liệu tại ngày cuối tháng 1/2024

QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC MAFM VNDIAMOND | MAFM VNDIAMOND ETF

Danh mục đầu tư tại ngày 31/1/2024

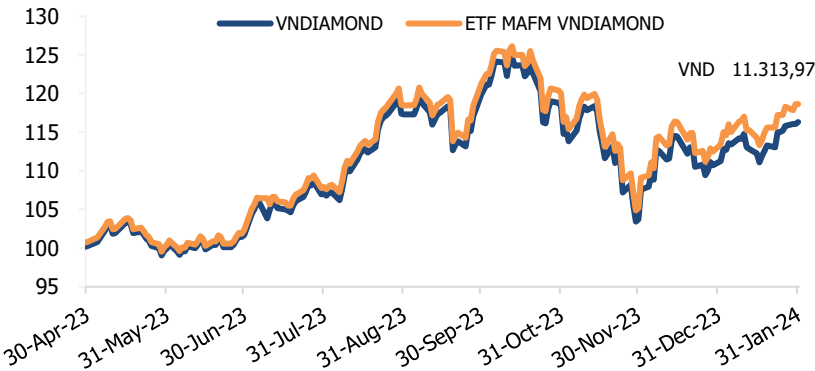
Top 10 cổ phiếu	Ngành	% NAV
FPT	Công nghệ thông tin	14,3%
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	13,3%
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	9,7%
GMD	Công nghiệp	9,7%
TCB	Tài chính	9,1%
MBB	Tài chính	7,2%
VPB	Tài chính	5,5%
ACB	Tài chính	5,2%
REE	Công nghiệp	4,7%
VIB	Tài chính	3,3%

Phân bổ tài sản theo ngành (%NAV)



* Theo GICS

Hiệu suất đầu tư



Chỉ số VNDIAMOND	
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	1.305.541
Hệ số P/E (x)	9,01
Hệ số P/B (x)	1,79
Hệ số ROE (%)	15,82
Lợi tức cổ phiếu (%)	2,33

	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Từ đầu năm	1 năm	Từ khi thành lập
MAFM VNDIAMOND ETF	4,20%	17,07%	1,77%	4,20%	N/A	13,14%
VN30	4,16%	16,90%	1,21%	4,16%	16,33%	N/A

* Nguồn: MAFM, Hiệu suất đầu tư tính từ kết thúc đăng ký góp vốn 30/01/2023.
* Hiệu suất trong quá khứ không hàm ý đảm bảo hiệu suất trong tương lai.
* Chỉ số tham chiếu của Quỹ là VNDIAMOND.

Tài liệu này được phát hành bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) và không cấu thành hoặc được sử dụng làm một phần của bất kỳ lời chào mời hay cam kết nào. Thông tin trong tài liệu này được tổng hợp từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không cam kết đảm bảo tính chính xác, cập nhật và đầy đủ của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây. Do đó, trong mọi trường hợp, tài liệu này sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trách nhiệm pháp lý cho kết quả đầu tư của Quý khách hàng.